

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 78/2022/QĐST-HNGĐ

Văn Giang, ngày 11 tháng 08 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 63/2022/TLST-HNGĐ ngày 31/05/2022 giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1991

Địa chỉ: thôn T, xã Y, huyện M, tỉnh Hưng Yên

*** Bị đơn:** Anh Ngô Văn B, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Xóm M, thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng yên

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Cháu Ngô Nguyễn N, sinh ngày 25/08/2021

Người đại diện theo pháp luật của cháu Ngô Nguyễn N: Chị Nguyễn Thị T là mẹ đẻ.

Cùng địa chỉ: thôn T, xã Y, huyện M, tỉnh Hưng Yên

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Văn B đều thuận tình ly hôn.

* Về việc nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Văn B xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu Ngô Nguyễn N, sinh ngày 25/08/2021. Chị T, anh B thoả thuận giao cháu Ngô Nguyễn N cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Nhiên thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

* Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh B thỏa thuận, anh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Ngô Nguyễn N 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2022 đến khi cháu An Nhiên đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Văn B xác định anh chị không có gì chung và tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng. Tổng số tiền án phí chị tự nguyện nộp là 300.000 đồng. Được đối trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số AA/2021/0010647 ngày

31/05/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hưng Yên, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện V;
- UBND xã N
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Miện